

BẢNG GIÁ LẮP ĐẶT VÀ VẬT TƯ

BẢNG GIÁ CHÍNH THỨC • Hiệu lực từ: 13/10/2026 • Đơn vị giá: VNĐ • Đã bao gồm VAT

Mã	Hạng mục / quy cách	ĐVT	Đơn giá
1. Nhân công lắp đặt điều hòa treo tường			
1.1	9.000 - 12.000 BTU	Bộ	350.000
1.2	18.000 BTU	Bộ	460.000
1.3	24.000 BTU	Bộ	580.000
2. Nhân công tháo điều hòa treo tường			
2.1	9.000 - 12.000 BTU	Bộ	200.000
2.2	18.000 BTU	Bộ	250.000
2.3	24.000 BTU	Bộ	300.000
3. Nhân công lắp đặt điều hòa tủ đứng và âm trần			
3.1	Tủ đứng 18.000 - 28.000 BTU	Bộ	580.000
3.2	Tủ đứng 30.000 - 42.000 BTU	Bộ	860.000
3.3	Tủ đứng 50.000 - 70.000 BTU	Bộ	1.090.000
3.4	Âm trần 18.000 - 28.000 BTU	Bộ	750.000
3.5	Âm trần 30.000 - 50.000 BTU	Bộ	920.000
4. Combo ống đồng + bảo ôn đôi + băng quấn			
4.1	Cặp ống đồng 6/10	Mét	190.000
4.2	Cặp ống đồng 6/12	Mét	210.000
4.3	Cặp ống đồng 6/16	Mét	280.000
4.4	Cặp ống đồng 10/16	Mét	390.000
4.5	Cặp ống đồng 10/19	Mét	460.000
5. Giá đỡ cục nóng			
5.1	Máy treo tường 9.000 - 12.000 BTU	Bộ	180.000
5.2	Máy treo tường 18.000 - 24.000 BTU	Bộ	250.000

Nhân công lắp máy bao gồm đấu nối thông thường, hút chân không và chạy thử. Vật tư và thi công đặc biệt tính riêng.

Combo ống đồng gồm cặp ống, bảo ôn đôi và băng quấn. Hãng vật tư, đường kính thực tế, độ dày và phạm vi công đi ống được ghi trong báo giá công trình trước khi thi công.

Khối lượng thanh toán căn cứ chiều dài và số lượng thực tế được nghiệm thu.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ VÀ PHÁT SINH

BẢNG GIÁ CHÍNH THỨC • Hiệu lực từ: 13/10/2026 • Đơn vị giá: VNĐ • Đã bao gồm VAT

Mã	Hạng mục / quy cách	ĐVT	Đơn giá
6. Dây điện			
6.1	Dây đơn Cadivi CV 2,5 mm ²	Mét	15.000
6.2	Dây Cadivi 2 × 2,5 mm ²	Mét	25.000
6.3	Cáp 2 × 0,75 mm ²	Mét	10.000
6.4	Dây 3 × 1,5 mm ²	Mét	28.000
6.5	Dây 3 × 2,5 mm ²	Mét	32.000
6.6	Cáp 4 × 1,5 mm ²	Mét	40.000
6.7	Cáp 4 × 2,5 mm ²	Mét	45.000
7. Ống thoát nước			
7.1	Ống Ø21	Mét	20.000
7.2	Ống Ø27	Mét	28.000
7.3	Ống mềm ruột gà	Mét	8.000
8. Chi phí thi công khác			
8.1	Aptomat 1 pha	Cái	90.000
8.2	Đục tường đi ống	Mét	65.000
8.3	Đi ống tại la phòng cố định	Mét	65.000
8.4	Nhân công đi ống nước	Mét	35.000
8.5	Đi ống nước trên la phòng tháo lắp được	Mét	25.000
8.6	Thuê giàn giáo	Bộ	Từ 100.000
8.7	Vật tư phụ: que hàn, đai, vít, bu lông...	Bộ	50.000 - 100.000
9. Chi phí phát sinh			
9.1	Kiểm tra, chỉnh sửa đường ống đi sẵn	Bộ	100.000
9.2	Thi công cần thang dây	Bộ	Từ 200.000
9.3	Rải đường ống khi khách cấp vật tư	Mét	40.000
9.4	Nạp gas bổ sung R410A/R32	Lần	Từ 250.000

Quy cách vật tư, dòng định mức aptomat, thời gian thuê giàn giáo và lượng gas bổ sung được thống nhất trong báo giá trước khi thực hiện.

Vật tư phụ không tính trùng các vật tư đã bao gồm trong combo. Các hạng mục có mức giá "Từ" được báo tổng tiền theo điều kiện thực tế.

Công trình nhiều máy hoặc có yêu cầu thi công riêng được báo giá theo khối lượng và mặt bằng thực tế.

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ SỬA CHỮA

BẢNG GIÁ CHÍNH THỨC • Hiệu lực từ: 13/10/2026 • Đơn vị giá: VNĐ • Đã bao gồm VAT

Mã	Hạng mục / quy cách	ĐVT	Đơn giá
1. Vệ sinh, bảo dưỡng điều hòa			
1.1	Treo tường 9.000 - 12.000 BTU	Bộ	200.000
1.2	Treo tường 18.000 BTU	Bộ	250.000
1.3	Treo tường 24.000 BTU	Bộ	300.000
1.4	Âm trần 9.000 - 24.000 BTU	Bộ	400.000 - 500.000
1.5	Âm trần trên 24.000 BTU	Bộ	Khảo sát, báo giá
1.6	Hệ thống điều hòa trung tâm	Hệ	Khảo sát, báo giá
2. Sửa chữa điều hòa			
2.1	Sửa bo mono mất nguồn	Cái	350.000 - 450.000
2.2	Sửa bo inverter mất nguồn - tùy bo/lỗi	Cái	500.000 - 950.000
2.3	Thay tụ - tùy loại và trị số	Cái	Từ 350.000
2.4	Xử lý chảy nước dàn lạnh	Bộ	200.000 - 350.000
2.5	Thay block - theo model, công suất	Cái	Khảo sát, báo giá
3. Dịch vụ máy giặt			
3.1	Vệ sinh máy giặt cửa trên	Máy	300.000 - 450.000
3.2	Vệ sinh máy giặt cửa ngang	Máy	500.000 - 650.000
3.3	Sửa bo mạch - theo loại máy và mức lỗi	Cái	Từ 450.000
3.4	Thay gioăng - theo model	Cái	Từ 350.000
3.5	Thay công tắc / khóa cửa	Cái	Từ 450.000
3.6	Thay bơm xả - theo model	Cái	Từ 550.000
4. Dịch vụ khác			
4.1	Sửa bếp từ - tùy mức độ lỗi	Lần	300.000 - 450.000
4.2	Lắp đặt bếp từ thông thường	Bộ	150.000
4.3	Sửa máy rửa bát Bosch	Lần	Khảo sát, báo giá
4.4	Vệ sinh bình nóng lạnh	Bình	150.000

Vệ sinh điều hòa gồm dàn nóng, dàn lạnh và kiểm tra thoát nước; gas và sửa chữa tính riêng.

Giá sửa chữa phụ thuộc model, mức độ lỗi và linh kiện. Báo giá công việc phải ghi rõ linh kiện, nhân công và tổng tiền trước khi thực hiện.

Các đơn giá đã bao gồm VAT. Phí di chuyển ngoài khu vực phục vụ và thời hạn bảo hành được ghi trong báo giá hoặc phiếu dịch vụ.